

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 08/2020/DS-ST

Ngày 26-5-2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thù

2. Bà Hoàng Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Nhu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc R'Lấp tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2020/TLST-DS ngày 29-7-2020, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH MTV mua bán nợ A

Địa chỉ: Thôn 3, xã B, huyện C, tỉnh Đắc Nông

Đại diện theo pháp luật: Ông Phương Ngọc D – Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết B, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tô 4, phường D, thị xã E, tỉnh Đắc Nông – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Đinh Xuân T, sinh năm 1943; nơi cư trú: Thôn 02, xã F, huyện C, tỉnh Đắc Nông – Vắng mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Lê Thị H; nơi cư trú: Thôn 02, xã F, huyện C, tỉnh Đắc Nông – Vắng mặt

- Ông Phạm Quang V và bà Phan Thị L; nơi cư trú: Thôn 01, xã F, huyện C, tỉnh Đắc Nông – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Ông Phạm Quang V và ông Đinh Xuân T có quan hệ quen biết nên trong các ngày 01/02/2015 ông T mượn của ông V số tiền là 20.000.000 đồng và

ngày 02/02/2015 mượn tiếp số tiền là 14.000.000 đồng; tổng số tiền ông T mượn của ông V là 34.000.000 đồng tiền gốc. Ngày 27/8/2018 (trước thời điểm ông V bán toàn bộ số nợ trên cho Công ty mua bán nợ A) thì công ty có làm việc với ông T và ông T đã thừa nhận có mượn của ông Phạm Quang V số tiền là 34.000.000 đồng nhưng đã trả được 11.000.000 đồng hiện chỉ còn nợ lại số tiền gốc là 23.000.000đ, ông T hẹn đến ngày 30/10/2018 (AL) sẽ trả số tiền 23.000.000 đồng cho ông V nhưng quá thời hạn trả nợ ông T vẫn chưa trả nên ngày 16/4/2019 ông Phạm Quang V đã bán toàn bộ số nợ và giao toàn bộ giấy tờ vay mượn gốc giữa ông V và ông T cho Công ty mua bán nợ A (gọi tắt là Công ty A). Công ty đã yêu cầu ông T trả nợ nhiều lần nhưng ông T vẫn không trả. Nay yêu cầu Tòa án buộc ông Đinh Xuân T phải có nghĩa vụ trả cho công ty A số tiền gốc là 23.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn ông Đinh Xuân T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H không tham tố tụng tại Tòa án. Tòa án đã tiến hành triệu tập, phối hợp với chính quyền địa phương làm việc nhiều lần nhưng ông Đinh Xuân T và bà Lê Thị H đều từ chối làm việc, không tham gia giải quyết vụ án nên Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Quang V trình bày: Ông và ông Đinh Xuân T là bạn bè, ngày 01/02/2015 ông T mượn của tôi số tiền là 20.000.000 đồng và ngày 02/02/2015 mượn tiếp số tiền là 14.000.000 đồng; tổng số tiền ông T mượn của tôi là 34.000.000 đồng tiền gốc, trong năm 2017 ông T đã trả cho tôi được 11.000.000 đồng, ông T nói trả tiền lãi. Còn tiền gốc tôi đã đòi nhiều lần nhưng ông T vẫn không trả nên ngày 16/4/2019 tôi đã bán toàn bộ số nợ trên và giao toàn bộ giấy tờ vay mượn gốc giữa tôi và ông T cho Công ty mua bán nợ A. Nay Công ty A khởi kiện yêu cầu ông T, ông không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị L trình bày: Ông Phạm Quang V (chồng bà) và ông Đinh Xuân T là bạn bè đã lâu nhưng việc ông V cho ông T mượn tiền vào thời gian nào, số tiền bao nhiêu thì bà không biết nhưng vào năm 2017 ông T có đưa cho bà số tiền là 11.000.000 đồng và bà đã đưa số tiền này cho chồng là ông V. Nay bà không có ý kiến gì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án theo Điều 27, 35 và 39 BLTTDS; đúng tư cách tham gia tố tụng quy định tại Điều 68 BLTTDS; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến 97 BLTTDS; Việc giao nhận thông báo thụ lý cho VKS và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Còn bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92, 227 BLTTDS; Điều 463, 466 BLDS, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 23.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về quan hệ pháp luật:* Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả nợ gốc là 23.000.000 đồng. Theo quy định của pháp luật đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về thẩm quyền:* Bị đơn ông Đinh Xuân T hiện cư trú tại thôn 2, xã F, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. *Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn:* Ông Đinh Xuân T là bị đơn và bà Lê Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án ông T, bà H từ chối làm việc với Tòa án. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192; khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tiến hành thủ tục tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với ông T, bà H theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và xét xử vắng mặt ông T, bà H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông V, bà L có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[3]. *Về nội dung:* Xét nội dung Hợp đồng mua bán nợ số: 51/HĐ-KN ngày 16/4/2019 giữa bên bán nợ là ông Phạm Quang V và bên mua nợ là Công ty mua bán nợ A. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ khoản 3 Điều 3 Nghị định 69/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 thì: “Mua bán nợ là việc bên bán nợ

chuyển giao một phần hoặc toàn bộ quyền đòi nợ và các quyền khác liên quan đến khoản nợ cho bên mua nợ và bên mua nợ trả tiền cho bên bán nợ". Căn cứ Hợp đồng mua bán nợ giữa ông V với Công ty A và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thì ông V đã bán toàn bộ món nợ cho Công ty A, ông V không còn quyền lợi gì đối với khoản nợ của ông Đinh Xuân T nữa. Toàn bộ quyền đối với số nợ này đã được ông V chuyển giao toàn bộ cho Công ty A.

Xét nội dung khởi kiện nguyên đơn yêu cầu ông T phải trả số tiền gốc là 34.000.000đ và tiền lãi nhưng trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chỉ yêu cầu trả số tiền 23.000.000đ tiền gốc và không yêu cầu lãi, xét thấy:

Căn cứ vào Giấy vay tiền ngày 01/02/2015 và ngày 02/02/2020 thì ông Đinh Xuân T có vay của ông Phạm Quang V số tiền là 34.000.000 đồng, hai bên có thỏa thuận rõ lãi suất là 2,5%/tháng, thời hạn trả vào tháng 10 và tháng 11/2017, nhưng đến thời hạn trả ông T mới trả cho ông V được 11.000.000 đồng. Ông V đã đòi nhiều lần nhưng ông T vẫn không trả nên ngày 16/4/2019 ông V đã bán toàn bộ số nợ trên cho Công ty mua bán nợ A.

Công ty A đã làm việc với ông T, bà H và ông T, bà H có cam kết trả số tiền 23.000.000 đồng vào ngày 30/10/2018 (AL) nhưng đến thời hạn trả ông T vẫn không trả. Như vậy, ông T đã vi phạm thời hạn trả tiền và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ cần chấp nhận buộc ông T phải trả cho công ty A số tiền 23.000.000đ tiền gốc. Đối với yêu cầu tính lãi Công ty A không yêu cầu cho nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị H (Lê Thị S) chung sống với ông Đinh Xuân T trước thời điểm ông T vay tiền của ông V nhưng bà H không ký nhận trong 02 giấy vay tiền ngày 01/02/2015 và ngày 02/02/2015 nhưng tại biên bản làm việc về thỏa thuận trả nợ ngày 27/8/2018 giữa đại diện Công ty A và ông T, bà H thì bà H có ký vào biên bản làm việc đồng ý trả số tiền 23.000.000đ vào ngày 30/10/2018 (AL). Do vậy, cần buộc bà Lê Thị H (Lê Thị S) phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông Đinh Xuân T trả số tiền 23.000.000đ cho Công ty A.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông V, bà L: đã bán toàn bộ số nợ cho Công ty A, Công ty A toàn quyền quyết định và cũng không có ý kiến gì thêm nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về án phí: Ông T, bà H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét quan điểm và đường lối xử lý của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV mua bán nợ A đối với ông Đinh Xuân T.

Buộc ông Đinh Xuân T, bà Lê Thị H (Lê Thị S) phải trả cho Công ty TNHH MTV mua bán nợ A 23.000.000 đồng tiền gốc. Không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Buộc ông Đinh Xuân T và bà Lê Thị H (Lê Thị S) phải nộp 1.115.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty TNHH MTV mua bán nợ A số tiền 850.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00001427 ngày 26-7-2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C, tỉnh Đắk Nông.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Anh